

Bản án số: 49/2026/HS-ST

Ngày: 08/7/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10, TỈNH GIA LAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Xuân Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Ngọc Diệp và bà Nguyễn Thị Châu.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Ông Võ Đăng Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 22/2026/TLST-HS, ngày 16 tháng 3 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2026/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2026/HSST-QĐ ngày 24 tháng 6 năm 2026, đối với bị cáo:

Bé (tên gọi khác: Y), sinh ngày 01/01/2002 tại tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: Thôn H, xã K, tỉnh Gia Lai; Số CCCD: 064202015734, ngày cấp: 22/11/2023; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 04/12; Dân tộc: Ba Na; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông K, sinh năm 1973 và bà B, sinh năm: 1976; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền sự: Không; Tiền án: 01 tiền án; Tiền sự: Không.

Về nhân thân:

Ngày 21/9/2021, Tòa án nhân dân huyện Đak Đoa xét xử và tuyên phạt 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại Bản án số 59/2021/HSST.

Ngày 06/4/2022, bị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử và tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, tổng hợp hình phạt với bản án số 59/2021/HSST thì bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 02 năm tù.

Ngày 25/6/2024, bị Tòa án nhân dân huyện Đak Đoa xét xử tuyên phạt 02 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại bản án số 36/2024/HSST. Ngày 27/01/2025, B1 chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương (chưa được xóa án tích). Trong đó bản án số 36 ngày 25/6/2024 đã sử dụng 02 tiền án trước đó để làm tình tiết định tội.

Ngày 26/8/2025, bị Tòa án nhân dân khu vực 10, tỉnh Gia Lai xét xử và tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại bản án số 07/2025/HSST. Bản án này được xét xử khi sau khi B1 thực hiện hành vi “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*” xảy ra ngày 18/3/2025 tại Km153+700m, Quốc lộ thuộc tổ dân phố G, xã Đ, tỉnh Gia Lai nên không được tính là tiền án.

Hiện nay bị cáo B1 đang chấp hành án tại trại giam K3 - Bộ C. Bị cáo có mặt
- Bị hại:

1. Ông Đoàn Ngọc T, sinh năm 1953. Địa chỉ: 2 L, tổ H, phường A, tỉnh Gia Lai

(đã chết).

Những người đại hợp pháp thuộc hàng thừa kế của bị hại (đã chết) tham gia tố tụng, gồm:

+ Bà Tạ Thị Kim L, sinh năm: 1953. Địa chỉ: Đ: 2 L, tổ H, phường A, tỉnh Gia Lai (vợ bị hại).

+ Ông Đoàn Quốc Q, sinh năm: 1975. Địa chỉ: 2 L, tổ H, phường A, tỉnh Gia Lai (con bị hại).

+ Bà Đoàn Thị Mỹ T1, sinh năm: 1980. Địa chỉ: Đ: 2 L, tổ H, phường A, tỉnh Gia Lai (con bị hại).

+ Ông Đoàn Đám Đ, sinh năm: 1983. Địa chỉ: Đ: 2 L, tổ H, phường A, tỉnh Gia Lai (con bị hại).

+ Ông Đoàn Độc Đ1, sinh năm: 1985. Địa chỉ: Đ: 2 L, tổ H, phường A, tỉnh Gia Lai (con bị hại).

+ Bà Đoàn Thị Mỹ K1, sinh năm: 1987. Địa chỉ: Đ: 2 L, tổ H, phường A, tỉnh Gia Lai (con bị hại).

+ Bà Đoàn Thị Mỹ Mỹ H, sinh năm: 1989. Địa chỉ: Đ: 2 L, tổ H, phường A, tỉnh Gia Lai (con bị hại).

+ Ông Đoàn Quốc T2, sinh năm: 1993. Địa chỉ: 2 L, tổ H, phường A, tỉnh Gia Lai (con bị hại).

(Bà Tạ Thị Kim L, bà Đoàn Thị Mỹ T1, ông Đoàn Đám Đ, ông Đoàn Độc Đ1, bà Đoàn Thị Mỹ K1, bà Đoàn Thị Mỹ Mỹ H, ông Đoàn Quốc T2 đã ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Đoàn Quốc Q, sinh năm: 1975, Địa chỉ: 2 L, tổ H, phường A, tỉnh Gia Lai). Ông Q có mặt.

2. Bà Bùi Thị Thanh V, sinh năm: 1963. Địa chỉ: Thôn A Đ, xã B, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Nguyễn Đình H1, sinh năm: 1992. Địa chỉ: E N, xã B, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1990. Địa chỉ: Thôn A, phường A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3. Ông V1, sinh năm: 1940. Địa chỉ: Thôn H, xã K, tỉnh Gia Lai.

4. Ông Phạm Ngọc H2, sinh năm: 1974. Địa chỉ: Thôn I, xã T, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

5. Bà Lê Thị Hồng L1, sinh năm: 1976. Địa chỉ: Thôn L, xã T, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

6. Ông Nguyễn Phan D1, sinh năm: 1987. Địa chỉ: Tổ A H, phường P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- *Người bảo bào chữa cho bị cáo:* Ông Huỳnh Văn K2 - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm T3, tỉnh Gia Lai. Địa chỉ: 46 L, phường D, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người phiên dịch:* Bà H3. Địa chỉ: Thôn P, phường A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ 07 phút, ngày 18/3/2025 B1 (sinh ngày 01/01/2002; trú tại thôn H, xã K, tỉnh Gia Lai) điều khiển xe mô tô biển số: 19L2-8372 có dung tích xi lanh 108cm³ nhưng không có giấy phép lái xe mô tô theo quy định lưu thông trên đường Q hướng M đi P, khi đi đến Km153+700m thuộc tổ dân phố G, xã Đ, tỉnh Gia Lai thì tốc độ xe mô tô do Bé điều khiển khoảng 70km/h, do không làm chủ được tốc độ nên đã tông vào phía sau bên phải xe mô tô biển kiểm soát: 81B1-524.95 do ông Đoàn Ngọc T (sinh ngày 20/8/1953; trú tại **2 L, tổ H, phường A, tỉnh Gia Lai**) điều khiển chở sau bà Bùi Thị Thanh V (sinh ngày 25/8/1963; trú tại thôn H, xã K, tỉnh Gia Lai) đang lưu thông ở làn đường dành cho xe mô tô cùng chiều. Sau va chạm, ông T ngã sang bên trái vào làn đường dành cho xe ô tô thì bị bánh xe phía sau bên phải của xe ô tô tải biển số 48C-069.56 do anh Nguyễn Đình H1 (sinh ngày 01/5/1992; trú tại **E N, xã B, tỉnh Gia Lai**) điều khiển đang chạy song song cùng chiều cán qua đầu Anh H1 nhìn qua gương chiếu hậu bên phải xe ô tô thì phát hiện vụ tai nạn nên điều khiển xe đỗ vào lề đường bên phải, cách hiện trường khoảng 40m, xuống xe đi bộ đến gần phát hiện ông T đã tử vong, do lo sợ nên điều khiển xe ô tô về Nhà máy C1, khu công nghiệp T thuộc phường P, tỉnh Gia Lai, sau đó quay trở lại hiện trường thì thấy lực lượng chức năng đang khám nghiệm hiện trường nên ông H1 đến trình báo sự việc. Hậu quả: Ông Đoàn Ngọc T tử vong, bà Bùi Thị Thanh V bị thương, 02 xe mô tô bị hư hỏng (tốc độ của xe ô tô biển số 48C-069.56 tại thời điểm xảy ra tai nạn giao thông (Nguyễn Đình H1 có giấy phép lái xe hạn C cấp ngày 29/3/2021 hết hạn đến ngày 02/4/2026; thời điểm hiển thị trên camera xe ô tô biển số 48C-069.56 là 22 giờ 07 phút) trong khoảng từ 37,455km/h đến 40,869km/h; đoạn đường xảy ra tai nạn giao thông xe ô tô được phép lưu thông tốc độ tối đa là 60km/h; xe ô tô Hoan điều khiển chạy đúng làn đường, phần đường theo quy định tại Thông tư 38/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ G vận tải quy định tốc độ và khoảng cách an toàn xe cơ giới...).

Tại Kết luận giám định tử thi số 273/KLGĐTT-KTHS ngày 09/4/2025 của Phòng K4 Công an tỉnh G kết luận: Nguyên nhân ông Đoàn Ngọc T chết là do chấn thương sọ não.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 88B/KLTTCT-PYGL ngày 16/9/2025 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh G kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bà Bùi Thị Thanh V tại thời điểm giám định là 21%.

Tại Kết luận định giá tài sản số 296L-HĐĐGTS ngày 20/9/2025 của Hội đồng định giá tài sản tỉnh Gia Lai, kết luận: Xe mô tô biển số 81B1-524.95 bị hư hỏng trị giá 1.118.334 đồng.

Tại Phiếu kiểm tra nồng độ cồn trong hơi thở ngày 18/3/2025 và kết quả xét nghiệm ma túy ngày 19/3/2025 kết luận: Bé không có nồng độ cồn trong hơi thở và không có nồng độ cồn trong máu.

Tại Phiếu kiểm tra nồng độ cồn trong hơi thở ngày 19/3/2025 và kết quả xét nghiệm ma túy ngày 19/3/2025 kết luận: Nguyễn Đình H1 không có nồng độ cồn trong hơi thở và không có nồng độ cồn trong máu.

Thu giữ và xử lý vật chứng, tài sản:

- 01 xe mô tô biển số 19L2-8372 (đã qua sử dụng) thuộc sở hữu của ông V1 nên ngày 19/01/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G trả lại tài sản cho chủ sở hữu theo quy định.

- 01 xe mô tô biển số 81B1-524.95 (đã qua sử dụng) thuộc sở hữu của ông Đoàn Ngọc T, do ông T đã tử vong nên ngày 19/01/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G trả lại tài sản trên cho ông Đoàn Quốc Q (sinh ngày 1975; trú tại tổ dân phố H, phường H, tỉnh Gia Lai) (đại diện cho bị hại Đoàn Ngọc T) theo quy định.

- 01 xe ô tô tải biển số 48C-069.56 (đã qua sử dụng). Quá trình điều tra, xác định xe ô tô trên thuộc sở hữu của chị Nguyễn Thị D (sinh năm: 1990; trú tại thôn A, phường A, tỉnh Gia Lai) nhưng bà D không đến cơ quan đăng ký xe để làm thủ tục đổi chứng nhận đăng ký xe, biển số nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G chuyển phương tiện, tài liệu có liên quan đến Phòng Cảnh sát giao thông để đảm bảo xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

Về dân sự:

- Ông V1 không yêu cầu bị cáo B1 bồi thường thiệt hại đối với hư hỏng của xe mô tô biển kiểm soát: 19L2-8372.

- Bà Bùi Thị Thanh V yêu cầu bị cáo B1 bồi thường (gồm các khoản bồi thường: Sức khỏe bị xâm phạm, chi phí chữa trị thương tích, bồi thường tổn thất tinh thần) số tiền 30.000.000 đồng.

- Quá trình điều tra, ông Nguyễn Đình H1 (là người điều khiển xe ô tô tải biển số 48C-069.56 cán chết bị hại Đoàn Ngọc T), bà Nguyễn Thị D (là chủ xe ô tô tải biển số 48C-069.56) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án đã tự nguyện bồi thường cho đại diện gia đình bị hại Đoàn Ngọc T đã chết với số tiền là 80.000.000 đồng (ông H1 bồi thường 40 triệu đồng, bà D thường 40 triệu đồng). Ông Đoàn Quốc Q (đại diện cho bị hại Đoàn Ngọc T) yêu cầu bị cáo B1 bồi thường (gồm các khoản bồi thường: Tính mạng bị xâm phạm, chi phí mai táng, bồi thường tổn thất tinh thần) cho những người đại diện hợp pháp thuộc hàng thừa kế của bị hại tiếp số tiền là 155.000.000 đồng. Tại phiên tòa, ông Đoàn Quốc Q chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 80.000.000 đồng.

Bị cáo B1 chưa bồi thường cho các bị hại.

Tại Cáo trạng số: 38/CT-VKSKV10 ngày 10/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo **B1** về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung đã truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

* Về điều luật, tội danh, hình phạt:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 260; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo **B1** phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 04 năm 06 tháng tù đến 05 năm 06 tháng tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” của bản án này và 01 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” của Bản án số: 07/2025/HSST ngày 26/8/2025, bị Tòa án nhân dân khu vực 10, tỉnh Gia Lai. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là từ 06 năm tù đến 07 năm tù.

* Về vật chứng và xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- 01 xe mô tô biển số 19L2-8372 (đã qua sử dụng) thuộc sở hữu của ông V1 nên ngày 19/01/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G trả lại tài sản cho chủ sở hữu theo quy định là phù hợp.

- 01 xe mô tô biển số 81B1-524.95 (đã qua sử dụng) thuộc sở hữu của ông Đoàn Ngọc T, do ông T đã tử vong nên ngày 19/01/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G trả lại tài sản trên cho ông Đoàn Quốc Q (sinh ngày 1975; trú tại tổ dân phố H, phường H, tỉnh Gia Lai) (đại diện cho bị hại Đoàn Ngọc T) theo quy định là phù hợp.

- 01 xe ô tô tải biển số 48C-069.56 (đã qua sử dụng). Quá trình điều tra, xác định xe ô tô trên thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị D (sinh năm: 1990; trú tại thôn A, phường A, tỉnh Gia Lai) nhưng bà D không đến cơ quan đăng ký xe để làm thủ tục đổi chứng nhận đăng ký xe, biển số nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G chuyển phương tiện, tài liệu có liên quan đến Phòng Cảnh sát giao thông để đảm bảo xử phạt vi phạm hành chính theo quy định là phù hợp.

* Về bồi thường dân sự:

Căn cứ Điều 584, Điều 585, 590, 591, Điều 601, Bộ luật dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại Nghị quyết số: 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự;

- Ông V1 không yêu cầu bị cáo B1 bồi thường thiệt hại đối với hư hỏng của xe mô tô biển kiểm soát: 19L2-8372 nên không xem xét.

- Bà Bùi Thị Thanh V yêu cầu bị cáo B1 bồi thường (gồm các khoản bồi thường: Sức khỏe bị xâm phạm, chi phí chữa trị thương tích, bồi thường tổn thất tinh thần) số tiền 30.000.000 đồng.

- Quá trình điều tra, ông Nguyễn Đình H1 (là người điều khiển xe ô tô tải biển số 48C-069.56 cán chết bị hại Đoàn Ngọc T), bà Nguyễn Thị D (là chủ xe ô tô tải biển số 48C-069.56) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án đã tự nguyện bồi thường cho đại diện gia đình bị hại Đoàn Ngọc T đã chết với số tiền là 80.000.000 đồng (ông H1 bồi thường 40 triệu đồng, bà D thường 40 triệu đồng). Ông Đoàn Quốc Q (đại diện cho bị hại Đoàn Ngọc T) yêu cầu bị cáo B1 bồi thường (gồm các khoản bồi thường: Tính mạng bị xâm phạm, chi phí mai táng, bồi thường tổn thất tinh thần) cho những người đại diện hợp pháp thuộc hàng thừa kế của bị hại tiếp số tiền là 155.000.000 đồng. Tại phiên tòa, ông Đoàn Quốc Q chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 80.000.000 đồng.

Bị cáo B1 chưa bồi thường cho các bị hại.

Tại phiên tòa, bị cáo B1 đồng ý bồi thường toàn bộ số tiền mà bà Bùi Thị Thanh V và ông Đoàn Quốc Q yêu cầu bồi thường nêu trên. Hội đồng xét xử nhận thấy, sự thỏa thuận bồi thường dân sự giữa bị cáo và bị hại, người đại diện hợp pháp thuộc hàng thừa kế của bị hại nêu trên trên là tự nguyện, phù hợp với pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

* Về án phí:

Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23, 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo B1 chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi đã thực hiện phù hợp với hành vi, tội danh, điểm, khoản, Điều luật đã truy tố, không có khiếu nại, không có ý kiến phản đối gì.

* Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo trình bày: Đồng ý với tội danh, điểm, khoản và các các vấn đề khác mà Viện kiểm sát đề nghị; đề nghị áp dụng thêm cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, vì tại phiên tòa bị cáo ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường cho bị hại và đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo mức án thấp hơn mức án mà Viện kiểm sát đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Những chứng cứ, tài liệu do cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng thu thập và chứng cứ, tài liệu của bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp có tại hồ sơ đều phù hợp với quy định của pháp luật. Và hành vi của các cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử đều thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận:

Vào khoảng 22 giờ 07 phút, ngày 18/3/2025 tại Km153+700m, Quốc lộ thuộc Tổ dân phố G, xã Đ, tỉnh Gia Lai. Bé không có giấy phép lái xe theo quy định đã điều khiển xe mô tô biển số 19L2-8372 có dung tích xi lanh 108cm³ lưu thông với tốc độ 70km/h do không làm chủ được tốc độ nên đã tông vào phía sau bên phải xe mô tô biển kiểm soát: 81B1-524.95 do ông Đoàn Ngọc T điều khiển chở theo sau bà Bùi Thị Thanh V đang lưu thông ở làn đường dành cho xe mô tô cùng chiều. Sau va chạm, ông T ngã sang bên trái vào làn đường dành cho xe ô tô thì bị bánh xe phía sau bên phải của xe ô tô tải biển số 48C-069.56 do anh Nguyễn Đình H1 điều khiển đang chạy song song cùng chiều cán qua đầu. Hậu quả: ông Đoàn ngọc T tử vong, bà Bùi Thị Thanh V bị thương với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 21%; xe mô tô biển số 81B1-524.95 bị hư hỏng với trị giá 1.118.334 đồng.

Nguyên nhân của vụ tai nạn là do B1 điều khiển xe mô tô tham gia giao thông không có giấy phép lái xe theo quy định, không giữ khoảng cách an toàn đối với xe mô tô chạy phía trước cùng làn, cùng chiều xe của mình, không làm chủ tốc độ đã tông từ phía sau vào xe mô tô do ông Đoàn Ngọc T điều khiển. Hành vi của B1 đã vi phạm khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 12 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024.

Đối với hành vi của Nguyễn Đình H1: Do bị cáo B1 khiển xe mô tô tông vào phía sau xe mô tô do ông Đoàn Ngọc T điều khiển dẫn đến xe mô tô và ông T ngã sang bên trái vào làn đường dành cho xe ô tô thì bị bánh xe phía sau bên phải của xe ô tô tải biển số 48C-069.56 do anh Nguyễn Đình H1 điều khiển đang chạy song song cùng chiều cán qua đầu. Hậu quả: ông Đoàn ngọc T tử vong. Mặc dù Nguyễn Đình H1 lái xe ô tô gây ra hậu quả nêu trên, tuy nhiên H1 đang điều khiển xe ô tô chạy đúng làn đường, đúng tốc độ cho phép và hậu quả do H1 gây vô ý, H1 không mong muốn hậu quả xảy ra và không thấy trước hoặc không buộc thấy trước hậu quả nêu trên nên Nguyễn Đình H1 không phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 20 Bộ luật hình sự vì đây là sự kiện bất ngờ.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hình phạt đối với bị cáo:

Căn cứ lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, lời khai của người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận:

Hành vi điều khiển xe tham gia giao thông không có giấy phép lái xe theo quy định, không giữ khoảng cách an toàn đối với xe mô tô chạy liền trước cùng làn gây tai nạn giao thông, hậu quả làm tử vong một người và 01 người bị thương với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 21% do bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông đường bộ, xâm phạm tính mạng, sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ đã vi phạm khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 12 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024. Hành vi của bị cáo B1 đã phạm vào tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy, hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra rất nghiêm trọng, bị cáo có nhân thân xấu (01 tiền án), đến nay bị cáo chưa bồi thường dân sự cho bị hại khoản tiền nào, do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần có một mức án nghiêm khắc bằng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục và góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung tại địa phương. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử sẽ xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để có mức án phù hợp cho bị cáo.

[5] Đối với Nguyễn Đình H1: Quá trình điều tra xác định anh H1 không có lỗi gây ra vụ tai nạn giao thông trên. Do đó, hành vi của ông Nguyễn Đình H1 không phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo Điều 260 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên Nguyễn Đình H1 có hành vi điều khiển xe ô tô có liên quan trực tiếp đến vụ tai nạn giao thông mà không giữ nguyên hiện trường, trợ giúp người bị nạn và báo tin cho cơ quan Công an, không ở lại hiện trường vụ tai nạn giao thông đường bộ cho đến khi người của cơ quan Công an đến vi phạm khoản 1 Điều 80 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024, đây là lỗi vi phạm hành chính nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G chuyển hồ sơ, tài liệu đến Phòng C2 Công an tỉnh G xử phạt vi phạm hành chính theo quy định là phù hợp.

Đối với bà Nguyễn Thị D có hành vi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thay đổi thông tin về tên chủ xe, số định danh của chủ xe, không đến cơ quan đăng ký xe để làm thủ tục đổi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe vi phạm khoản 4 Điều 6 Thông tư số 79/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 quy định về cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, đây là lỗi vi phạm hành chính. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G chuyển hồ sơ, tài liệu, phương tiện đến Phòng C2 Công an tỉnh G xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 63 Luật Xử lý vi phạm hành

chính; Điều 21 Thông tư 28/2020/TT- BCA; khoản 1 Điều 12 Nghị định 118/2021/NĐ-CP là phù hợp.

Đối với ông V1 là chủ sở hữu xe mô tô biển số 19L-8372, ngày 18/3/2025, Bé tự ý lấy xe mô tô trên để đi, ông V1 không biết cũng không giao xe cho Bé nên không có căn cứ xử lý về hành vi “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ*” quy định tại Điều 264 Bộ luật Hình sự là phù hợp.

[6] Về vật chứng và xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- 01 xe mô tô biển số 19L2-8372 (đã qua sử dụng) thuộc sở hữu của ông V1 nên ngày 19/01/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G trả lại tài sản cho chủ sở hữu theo quy định là phù hợp.

- 01 xe mô tô biển số 81B1-524.95 (đã qua sử dụng) thuộc sở hữu của ông Đoàn Ngọc T, do ông T đã tử vong nên ngày 19/01/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G trả lại tài sản trên cho ông Đoàn Quốc Q (sinh ngày 1975; trú tại tổ dân phố H, phường H, tỉnh Gia Lai) (đại diện cho bị hại Đoàn Ngọc T) theo quy định là phù hợp.

- 01 xe ô tô tải biển số 48C-069.56 (đã qua sử dụng). Quá trình điều tra, xác định xe ô tô trên thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị D (sinh năm: 1990; trú tại thôn A, phường A, tỉnh Gia Lai) nhưng chị D không đến cơ quan đăng ký xe để làm thủ tục đổi chứng nhận đăng ký xe, biển số nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G chuyển phương tiện, tài liệu có liên quan đến Phòng Cảnh sát giao thông để đảm bảo xử phạt vi phạm hành chính theo quy định là phù hợp.

[7] Về bồi thường dân sự:

Căn cứ Điều 584, Điều 585, 590, 591, Điều 601, Bộ luật dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại Nghị quyết số: 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự;

- Ông V1 không yêu cầu bị cáo B1 bồi thường thiệt hại đối với hư hỏng của xe mô tô biển kiểm soát: 19L2-8372.

- Bà Bùi Thị Thanh V yêu cầu bị cáo B1 bồi thường (gồm các khoản bồi thường: Sức khỏe bị xâm phạm, chi phí chữa trị thương tích, bồi thường tổn thất tinh thần) số tiền 30.000.000 đồng.

- Quá trình điều tra, ông Nguyễn Đình H1 (là người điều khiển xe ô tô tải biển số 48C-069.56 cán chết bị hại Đoàn Ngọc T), bà Nguyễn Thị D (là chủ xe ô tô tải biển số 48C-069.56) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án đã tự nguyện bồi thường cho đại diện gia đình bị hại Đoàn Ngọc T đã chết với số tiền là 80.000.000 đồng (ông H1 bồi thường 40 triệu đồng, bà D thường 40 triệu đồng). Ông Đoàn Quốc Q (đại diện cho bị hại Đoàn Ngọc T) yêu cầu bị cáo B1 bồi thường (gồm các khoản bồi thường: Tính mạng bị xâm phạm, chi phí mai táng, bồi thường tổn thất tinh thần) cho những người đại diện thuộc hàng thừa kế của bị hại tiếp số tiền là 155.000.000 đồng. Tại phiên tòa, ông Đoàn Quốc Q chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 80.000.000 đồng.

Bị cáo B1 chưa bồi thường cho các bị hại.

Tại phiên tòa bị cáo B1 đồng ý số tiền bồi thường mà bà Bùi Thị Thanh V và ông Đoàn Quốc Q yêu cầu bồi thường nêu trên. Hội đồng xét xử nhận thấy, sự thỏa thuận bồi thường dân sự giữa bị cáo và bị hại, đại diện hợp pháp bị hại nêu trên là tự

nguyên, phù hợp với pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

[8] Về án phí:

Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 23, 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo B1 chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Từ những nội dung mà Hội đồng xét xử đã phân tích, xem xét nêu trên nên nhận thấy những nội dung mà Viện kiểm sát truy tố tại bản cáo trạng và đề nghị tại phiên tòa là có cơ sở nên được chấp nhận.

[10] Đối với trình bày ý kiến của người bào chữa của bị cáo B1 sẽ được Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật, tội danh, hình phạt:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 260; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Căn cứ Điều 584, Điều 585, 590, 591, Điều 601, Bộ luật dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại Nghị quyết số: 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23, 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên bố bị cáo **B1** phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”. Xử phạt bị cáo 04 (bốn) năm tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung 04 (bốn) năm tù về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” của bản án này và 01 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” của Bản án số: 07/2025/HSST ngày 26/8/2025, bị Tòa án nhân dân khu vực 10, tỉnh Gia Lai. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/4/2025.

2. Về bồi thường dân sự:

Công nhận sự thỏa thuận bồi thường dân sự giữa bị cáo và bị hại, những người đại hợp pháp thuộc hàng thừa kế của bị hại Đoàn Ngọc T đã chết như sau:

- Bị cáo B1 tự nguyện bồi thường cho bà Bùi Thị Thanh V số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

- Bị cáo B1 tự nguyện bồi thường cho cho những người đại hợp pháp thuộc hàng thừa kế của bị hại Đoàn Ngọc T đã chết (gồm: Bà Tạ Thị Kim L (vợ) và các con: Ông Đoàn Quốc Q, bà Đoàn Thị Mỹ T1, ông Đoàn Đám Đ, ông Đoàn Độc Đ1, bà Đoàn Thị Mỹ K1, bà Đoàn Thị Mỹ Mỹ H, ông Đoàn Quốc T2) số tiền là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng).

Tổng số tiền bị cáo bồi thường dân sự cho bị hại, người đại diện hợp pháp cho bị hại nêu trên là 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

Buộc bị cáo B1 phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, người đại hợp pháp thuộc hàng thừa kế của bị hại Đoàn Ngọc T đã chết, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT-THA -TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khu vực 10, tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT Công tỉnh Gia Lai;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10, tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo; NTGTT;
- Lưu: Hồ sơ, cq.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Xuân Hòa